

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 41

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Trưởng Ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Kim Liên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Kim Liên  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61201380/18490703

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

811  
CÔ  
T  
NST  
VIỆ  
CHI  
H  
V KTI



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.


### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 27 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



  
Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0637-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

02-0  
G TY  
JHH  
Y C  
NA  
HAI  
NỘI  
M - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>470.867.056.351</b>	<b>433.494.765.690</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>132.334.894.235</b>	<b>38.556.822.668</b>
111	1. Tiền		132.334.894.235	38.556.822.668
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>1.178.270.000</b>	<b>2.439.993.900</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.178.270.000	3.944.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1.504.006.100)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>125.568.287.256</b>	<b>204.891.001.707</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	92.854.827.418	179.809.862.800
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	14.994.937.874	8.011.792.100
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30	-	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	17.779.109.964	15.129.934.807
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(60.588.000)	(60.588.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>206.452.571.393</b>	<b>183.181.178.794</b>
141	1. Hàng tồn kho		208.069.504.291	186.462.054.288
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.616.932.898)	(3.280.875.494)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.333.033.467</b>	<b>4.425.768.621</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.313.492.467	4.310.791.621
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		19.541.000	114.977.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>774.596.204.256</b>	<b>768.586.983.005</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>170.725.730.399</b>	<b>182.841.658.211</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	166.120.567.864	176.635.714.007
222	Nguyên giá		233.135.923.509	227.767.692.825
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(67.015.355.645)	(51.131.978.818)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4.605.162.535	6.205.944.204
228	Nguyên giá		12.463.902.000	12.457.902.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.858.739.465)	(6.251.957.796)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.113.446.664</b>	<b>2.113.446.664</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.113.446.664	2.113.446.664
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>599.399.054.938</b>	<b>583.456.063.880</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		586.065.414.938	570.122.423.880
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.333.640.000	13.333.640.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.357.972.255</b>	<b>175.814.250</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.357.972.255	175.814.250
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.245.463.260.607</b>	<b>1.202.081.748.695</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>309.094.901.781</b>	<b>373.664.933.111</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>301.332.165.831</b>	<b>315.776.695.911</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	64.919.831.590	89.139.194.784
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	44.294.465.232	30.291.844.036
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.069.529.842	4.463.101.126
314	4. Phải trả người lao động		27.312.697.468	38.757.894.900
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	840.891.588	1.089.290.086
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	31.236.647.345	11.409.474.242
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	20	112.920.737.975	116.887.898.460
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.737.364.791	23.737.998.277
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.762.735.950</b>	<b>57.888.237.200</b>
338	1. Vay và nợ dài hạn	20	7.762.735.950	57.888.237.200
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>936.368.358.826</b>	<b>828.416.815.584</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>936.368.358.826</b>	<b>828.416.815.584</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		152.950.000.000	152.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		152.950.000.000	152.950.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ		(40.000.000)	(20.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		268.232.472.616	197.461.033.229
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		183.980.358.360	146.780.254.505
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.457.078.199	5.884.996.210
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		163.523.280.161	140.895.258.295
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.245.463.260.607</b>	<b>1.202.081.748.695</b>

Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng  
Phan Thế Tỷ

Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên



Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	859.162.351.743	828.460.951.400
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	37.165.128.558	55.520.334.654
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	821.997.223.185	772.940.616.746
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	490.180.840.345	466.261.403.259
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		331.816.382.840	306.679.213.487
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	21.311.416.379	11.617.770.878
22	7. Chi phí tài chính	25	13.135.396.119	10.884.718.656
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.129.000.936	5.621.875.806
25	8. Chi phí bán hàng	26	69.170.627.042	72.242.916.269
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.286.197.976	75.344.241.334
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		195.535.578.082	159.825.108.106
31	11. Thu nhập khác	27	1.023.916.385	4.861.877.307
32	12. Chi phí khác	27	194.587.583	283.081.286
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]	27	829.328.802	4.578.796.021
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		196.364.906.884	164.403.904.127
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	9.178.334.723	7.900.267.832
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		187.186.572.161	156.503.636.295

Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		863.457.239.133	673.272.901.292
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(515.016.572.580)	(453.982.061.664)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(97.552.416.525)	(73.359.379.052)
04	Tiền lãi vay đã trả		(8.238.508.769)	(5.828.472.943)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(10.630.680.534)	(6.178.568.842)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.515.528.060	37.772.722.404
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(49.726.280.992)	(69.365.423.042)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>195.808.307.793</b>	<b>102.331.718.153</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(23.077.744.585)	(93.947.589.080)
23	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	1.413.953.964
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(17.791.926.400)	(195.496.173.838)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.524.061.161	37.625.744.262
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(17.345.609.824)</b>	<b>(250.404.064.692)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(20.000.000)	(20.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		157.962.469.300	302.560.372.960
34	Tiền trả nợ gốc vay		(212.055.131.035)	(151.828.237.300)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30.567.056.000)	(61.173.378.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(84.679.717.735)</b>	<b>89.538.757.660</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		93.782.980.234	(58.533.588.879)
60	Tiền đầu năm		38.556.822.668	97.094.853.557
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.908.667)	(4.442.010)
70	Tiền cuối năm	5	132.334.894.235	38.556.822.668



Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh



Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 6 tháng 2 năm 2004. Công ty cũng đã nhận các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 11 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 1, phố Lương Định Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Đơn vị trực thuộc</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Hà Nam	Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Nhà máy chế biến giống Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Đồng bằng sông Cửu Long	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 314 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	Phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư phục vụ nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam An (*)	43,00%	70,00%	Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp; và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.
5	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	51,00%	83,74%	Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (Thuyết minh số 4)	71,60%	71,60%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.

(\*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) vào ngày 27 tháng 3 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### **2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### **2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa                        | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

*Bản quyền*

Bản quyền các loại giống ngô và lúa được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Bản quyền	2 - 5 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng. Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. THÀNH LẬP CÔNG TY CON MỚI**

*Thành lập công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam*

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 39/NQ-HĐQT-CTG ngày 23 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 50 tỷ đồng. Công ty sẽ là một cổ đông sáng lập và góp 71,6% vốn vào công ty này.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0700778275 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Nam cấp ngày 4 tháng 10 năm 2016 với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu theo mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Kể từ thời điểm được thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam chưa thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn thực góp và số vốn còn phải góp của Công ty vào công ty này với số tiền tương ứng lần lượt là 17.791.926.400 đồng và 18.008.073.600 đồng.

**5. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	9.511.454.949	4.426.435.334
Tiền gửi ngân hàng	122.823.439.286	34.130.387.334
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>132.334.894.235</b>	<b>38.556.822.668</b>

007  
Y  
DUN  
M  
NH  
P.T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh:						
- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cây Rau Quả	1.178.270.000	-	1.226.856.400	3.944.000.000	(1.504.006.100)	2.439.993.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.178.270.000</b>	<b>-</b>	<b>1.226.856.400</b>	<b>3.944.000.000</b>	<b>(1.504.006.100)</b>	<b>2.439.993.900</b>

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	73.803.000.000
Công ty Cổ phần Giống Nông nghiệp Điện Biên	9.808.800.000	397.840.000
Phải thu từ khách hàng khác	66.809.693.258	104.283.239.209
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	16.236.334.160	1.325.783.591
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.854.827.418</b>	<b>179.809.862.800</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(60.588.000)	(60.588.000)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các nhà thầu xây dựng và người bán	8.898.960.000	236.984.000
Công ty Cổ phần Performance Motors Việt Nam	3.313.000.000	-
Công ty Cổ phần An Phú Hưng	3.500.000.000	-
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	2.085.960.000	236.984.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	6.095.977.874	7.774.808.100
Ông Trần Văn Thuận	899.568.672	1.879.051.634
Hợp tác xã Mỹ Đức	-	1.270.242.902
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	5.196.409.202	4.625.513.564
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.994.937.874</b>	<b>8.011.792.100</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào cổ phiếu (*)	12.715.380.000	12.715.380.000
Phải thu dự án	3.868.042.912	-
Tạm ứng chi phí hoạt động cho nhân viên	573.355.000	719.349.000
Phải thu khác	622.332.052	1.695.205.807
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.779.109.964</b>	<b>15.129.934.807</b>

(\*) Đây là số tiền đã được chi trả để đầu tư vào cổ phiếu của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và kinh doanh các sản phẩm giống cây trồng, tuy nhiên Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua cổ phần tại doanh nghiệp này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**9. NỢ XẤU**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<i>Đối tượng nợ (*)</i>				
Phòng nông nghiệp huyện Thạch Hà	1.680.000	-	1.680.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Phủ Quý Nguyễn Hường -Trạm Bảo vệ thực vật Cẩm Xuyên – Hà Tĩnh	30.336.000	-	30.336.000	-
Tỉnh	8.572.000	-	8.572.000	-
Nguyễn Thị Đào	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.588.000</b>	<b>-</b>	<b>60.588.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản nợ quá hạn trên 3 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng cho 100% giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	157.143.403.821	(1.616.932.898)	144.985.401.049	(3.280.875.494)
Hàng hóa	28.300.974.174	-	22.426.755.711	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	22.378.171.063	-	18.325.100.383	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220.922.633	-	724.797.145	-
Công cụ, dụng cụ	26.032.600	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>208.069.504.291</u></b>	<b><u>(1.616.932.898)</u></b>	<b><u>186.462.054.288</u></b>	<b><u>(3.280.875.494)</u></b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.280.875.494	2.993.875.510
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm (*)	3.069.652.157	3.108.329.522
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.733.594.753)	(2.821.329.538)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.616.932.898</u></b>	<b><u>3.280.875.494</u></b>

(\*) Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số giống ngô và lúa không đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Bao bì, tem nhãn	5.313.492.467	4.310.791.621
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.313.492.467</u></b>	<b><u>4.310.791.621</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	2.357.972.255	175.814.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.357.972.255</u></b>	<b><u>175.814.250</u></b>

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	127.690.264.291	83.274.314.361	15.556.971.383	1.246.142.790	227.767.692.825
Mua trong năm	3.672.540.684	782.760.000	385.000.000	527.930.000	5.368.230.684
Số cuối năm	131.362.804.975	84.057.074.361	15.941.971.383	1.774.072.790	233.135.923.509
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	8.754.983.576	12.486.920.962	2.641.265.598	578.763.000	24.461.933.136
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	19.940.265.923	22.667.542.018	7.859.429.808	664.741.069	51.131.978.818
Khấu hao trong năm	6.088.253.165	8.130.871.813	1.449.334.523	214.917.326	15.883.376.827
Số cuối năm	26.028.519.088	30.798.413.831	9.308.764.331	879.658.395	67.015.355.645
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	107.749.998.368	60.606.772.343	7.697.541.575	581.401.721	176.635.714.007
Số cuối năm	105.334.285.887	53.258.660.530	6.633.207.052	894.414.395	166.120.567.864

(\*) Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị thuộc nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gao tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	2.395.787.000	752.115.000	9.310.000.000	12.457.902.000
Tăng trong năm	-	126.000.000	-	126.000.000
Giảm khác	(120.000.000)	-	-	(120.000.000)
Số cuối năm	2.275.787.000	878.115.000	9.310.000.000	12.463.902.000
<b>Trong đó:</b>				
Đã hao mòn hết	-	-	2.600.000.000	2.600.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	120.000.000	14.624.458	6.117.333.338	6.251.957.796
Hao mòn trong năm	-	154.781.663	1.572.000.006	1.726.781.669
Giảm khác	(120.000.000)	-	-	(120.000.000)
Số cuối năm	-	169.406.121	7.689.333.344	7.858.739.465
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	2.275.787.000	737.490.542	3.192.666.662	6.205.944.204
Số cuối năm	2.275.787.000	708.708.879	1.620.666.656	4.605.162.535

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Bao gồm một số khoản mục chi phí xây dựng cho dự án Nhà cao tầng Phương Mai. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch để tiếp tục triển khai dự án này và đang trong quá trình thực hiện rà soát để tiến hành thanh lý các khoản mục chi phí/hạng mục đã phát sinh và sẽ không còn được sử dụng trong tương lai.

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND				
	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)		Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)									
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (*)	530.841.700.538	9.219.130	-	360.467.983.000	532.690.635.880	9.219.130	-	525.490.410.000	
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây (**)	30.608.000.000	30.608	-	-	30.608.000.000	30.608	-	-	
- Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam (**)	6.823.788.000	450.100	-	-	6.823.788.000	450.100	-	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam (**)	17.791.926.400	1.700.000	-	-	-	-	-	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình (**)	13.333.640.000	99.938	-	-	13.333.640.000	99.938	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>599.399.054.938</b>			<b>360.467.983.000</b>	<b>583.456.063.880</b>			<b>525.490.410.000</b>	

(\*) Trong năm 2016, Công ty đã ghi nhận khoản cổ tức nhận được sau ngày mua và được chia từ lợi nhuận phát sinh trong giai đoạn Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam chưa trở thành công ty con của Công ty với số tiền là 1.848.935.342 VND là một khoản giảm trừ giá trị khoản đầu tư vào công ty này.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam là một công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp lý của công ty này được ước tính bằng giá trị cổ phiếu được công bố thực hiện giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam trở thành công ty con của Công ty bắt đầu từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 và trong các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty này là có lãi. Công ty Giống cây trồng Miền Nam cũng đã thực hiện chi trả cổ tức cho Công ty trong năm 2016.

(\*\*) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty sở hữu 10,03% cổ phần trong Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**15.1 Đầu tư vào các công ty con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	61,49%	61,49%	61,49%	61,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	71,60%	71,60%	-	-

Thông tin về các khoản đầu tư vào các công ty con nêu trên được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 4.

**16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu xây dựng	1.843.768.207	1.843.768.207	12.533.337.529	12.533.337.529
Phải trả cho người bán				
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên - Trung Quốc	27.306.662.831	27.306.662.831	41.701.362.241	41.701.362.241
- Công ty Giống cây trồng Thịnh Du - Trung Quốc	-	-	10.652.610.112	10.652.610.112
- Công ty TNHH MTV Duyên Hải - Xí nghiệp 19	3.641.009.520	3.641.009.520	9.543.663.000	9.543.663.000
- Phải trả đối tượng khác	32.128.391.032	32.128.391.032	14.703.574.902	14.703.574.902
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	-	4.647.000	4.647.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.919.831.590</b>	<b>64.919.831.590</b>	<b>89.139.194.784</b>	<b>89.139.194.784</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nghệ An	5.000.000.000	-	-	-
Người mua trả tiền trước khác	39.294.465.232	-	30.291.844.036	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.294.465.232</b>	<b>-</b>	<b>30.291.844.036</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	322.114.706	90.823.832	(389.729.848)	23.208.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.585.175.252	9.489.628.339	(10.630.680.534)	1.444.123.057
Thuế thu nhập cá nhân	1.555.811.168	14.122.314.942	(11.075.928.015)	4.602.198.095
Thuế khác	-	567.974.696	(567.974.696)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.463.101.126</b>	<b>24.270.741.809</b>	<b>(22.664.313.093)</b>	<b>6.069.529.842</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	127.567.733	237.075.566
Chi phí phải trả khác	713.323.855	852.214.520
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>840.891.588</b>	<b>1.089.290.086</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 21.1)	22.925.292.000	-
Chi phí đền bù đất phải trả - Dự án Đồng Văn	2.847.000.000	2.847.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.299.996.750	2.299.996.750
Kinh phí hỗ trợ giống gốc để sản xuất lúa lai	984.550.275	984.550.275
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	995.207.262	992.877.512
Chi phí phải trả - Các Dự án lúa	43.074.900	2.748.814.790
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	82.501.277	61.668.228
Kinh phí công đoàn	49.545.260	95.876.300
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.009.479.621	1.378.690.387
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.236.647.345</b>	<b>11.409.474.242</b>
Nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả ngắn hạn khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	17.193.969.000	-
- Phải trả ngắn hạn đối tượng khác	14.042.678.345	11.409.474.242

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. VAY VÀ NỢ

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>116.887.898.460</b>	<b>116.887.898.460</b>	<b>208.087.970.550</b>	<b>(212.055.131.035)</b>	<b>112.920.737.975</b>	<b>112.920.737.975</b>	
Vay ngân hàng ngắn hạn	115.396.843.710	115.396.843.710	148.418.806.300	(186.213.798.910)	77.601.851.100	77.601.851.100	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.491.054.750	1.491.054.750	59.669.164.250	(25.841.332.125)	35.318.886.875	35.318.886.875	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>57.888.237.200</b>	<b>57.888.237.200</b>	<b>9.543.663.000</b>	<b>(59.669.164.250)</b>	<b>7.762.735.950</b>	<b>7.762.735.950</b>	
Vay ngân hàng dài hạn	57.888.237.200	57.888.237.200	9.543.663.000	(59.669.164.250)	7.762.735.950	7.762.735.950	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>174.776.135.660</b>	<b>174.776.135.660</b>	<b>217.631.633.550</b>	<b>(271.724.295.285)</b>	<b>120.683.473.925</b>	<b>120.683.473.925</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)**

**20.1 Các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	10.929.060.000	Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng.  Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2017.	Không
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	66.672.791.100	Hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.  Hợp đồng vay có hiệu lực đến hết ngày 10 tháng 5 năm 2017.	Không
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.601.851.100</u></b>		

**20.2 Các khoản vay ngắn hạn dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	38.762.735.950	Hạn mức tín dụng là 77 tỷ đồng. Gốc vay thanh toán sau 24 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 14 tháng 2 năm 2015 và theo phụ lục hợp đồng được lập sau thời gian ân hạn. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	Toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng, nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan – Chi nhánh Hà Nội	4.318.886.875	Hạn mức tín dụng là 72 tỷ đồng. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 22 tháng 1 năm 2018. Gốc thanh toán 3 tháng/lần sau thời gian ân hạn 1 năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên vào ngày 22 tháng 1 năm 2015. Lãi thanh toán theo kỳ hạn ba tháng trong năm thứ nhất kể từ ngày giải ngân đầu tiên, và được thanh toán hàng tháng kể từ năm thứ hai.	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay cho Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến và bảo quản giống cây trồng và nhà máy gạo tại Thị trấn Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.081.622.825</u></b>		
<i>Trong đó:</i>			
- Vay dài hạn đến hạn trả	35.318.886.875		
- Vay dài hạn	7.762.735.950		



## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế		Đơn vị tính: VND
					chưa phân phối	Tổng cộng	
<b>Năm trước</b>							
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	152.950.000.000	331.245.527.850	-	140.402.261.406	126.878.534.309	751.476.323.565	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	156.503.636.295	156.503.636.295	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)	
Trích lập quỹ	-	-	-	61.771.278.935	(61.771.278.935)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(13.097.259.164)	(13.097.259.164)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	(45.885.000.000)	(45.885.000.000)	
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	(15.288.378.000)	(15.288.378.000)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(560.000.000)	(560.000.000)	
Sử dụng quỹ	-	-	-	(4.712.507.112)	-	(4.712.507.112)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.950.000.000</b>	<b>331.245.527.850</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>197.461.033.229</b>	<b>146.780.254.505</b>	<b>828.416.815.584</b>	

## Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(20.000.000)	197.461.033.229	146.780.254.505	828.416.815.584	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	187.186.572.161	187.186.572.161	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000.000)	-	-	(20.000.000)	
Trích lập quỹ (*)	-	-	-	80.213.702.576	(80.213.702.576)	(14.881.124.114)	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(14.881.124.114)	(14.881.124.114)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 (*)	-	-	-	-	(30.567.056.000)	(30.567.056.000)	
Tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 (**)	-	-	-	-	(22.925.292.000)	(22.925.292.000)	
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.088.000.000)	(1.088.000.000)	
Giảm khác	-	-	-	-	(311.293.616)	(311.293.616)	
Sử dụng quỹ (***)	-	-	-	(9.442.263.189)	-	(9.442.263.189)	
Số dư cuối năm	152.950.000.000	331.245.527.850	(40.000.000)	268.232.472.616	183.980.358.360	936.368.358.826	

(\*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCD2016 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2016 ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(\*\*) Công ty đã tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 theo Quyết định số 51/NQ-HĐQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2016.

(\*\*\*) Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của chủ sở hữu	152.950.000.000	152.950.000.000	-	152.950.000.000	152.950.000.000	-
- Vốn góp của Công ty Cổ phần PAN FARM	114.712.500.000	114.712.500.000	-	-	-	-
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	-	-	-	114.712.500.000	114.712.500.000	-
- Vốn góp của đối tượng khác	38.237.500.000	38.237.500.000	-	38.237.500.000	38.237.500.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850	-	331.245.527.850	331.245.527.850	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>-</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>484.195.527.850</b>	<b>-</b>

Tại ngày 25 tháng 10 năm 2016, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty cho Công ty Cổ phần PAN FARM và theo đó, Công ty Cổ phần PAN FARM đã chính thức trở thành công ty mẹ của Công ty kể từ ngày này.

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu năm	152.950.000.000	152.950.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	152.950.000.000	152.950.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>	<b>53.492.348.000</b>	<b>61.173.378.000</b>
Cổ tức cho năm 2016 (tạm chia): 1.500 đồng/cổ phiếu	22.925.292.000	-
Cổ tức cho năm 2015, đợt 2: 2.000 đồng/cổ phiếu	30.567.056.000	-
Cổ tức cho năm 2015, đợt 1 (tạm chia): 1.000 đồng/cổ phiếu	-	15.288.378.000
Cổ tức cho năm 2014: 3.000 đồng/cổ phiếu	-	45.885.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>30.567.056.000</b>	<b>61.173.378.000</b>
Cổ tức cho năm 2015	30.567.056.000	15.288.378.000
Cổ tức cho năm 2014	-	45.885.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	15.295.000	15.295.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.295.000	15.295.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>		
Cổ phiếu phổ thông	11.472	6.622
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	15.283.528	15.288.378
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 đồng/cổ phiếu)

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	762.740.055	762.740.055
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND) (*)	62.222.500.000	75.523.190.000
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	10.510	19.160
- Nhân dân tệ (CNY)	97.473	100.997
- Kíp Lào (LAK)	1.000.000	1.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	2.892.931.475	2.892.931.475

(\*) Đây là hàng hóa của Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn mà Công ty nhận giữ hộ theo Hợp đồng mua bán hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2016 số 04 HĐMB/MBDTQG ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng bảo quản hạt giống lúa, ngô dự trữ quốc gia năm 2016 số 04 HĐBQ/MBDTQG ngày 11 tháng 11 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>859.162.351.743</b>	<b>828.460.951.400</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	858.768.113.647	827.631.853.961
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	394.238.096	829.097.439
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>37.165.128.558</b>	<b>55.520.334.654</b>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	7.797.822.947	15.737.473.722
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	29.367.305.611	39.782.860.932
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>821.997.223.185</b>	<b>772.940.616.746</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, thành phẩm</i>	821.602.985.089	772.111.519.307
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	394.238.096	829.097.439
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba</i>	764.728.156.482	760.765.459.960
<i>Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	57.269.066.703	12.175.156.786

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	396.734.861	838.949.986
Cổ tức được chia	19.295.650.158	9.766.693.222
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.619.031.360	1.012.127.670
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.311.416.379</b>	<b>11.617.770.878</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	491.844.782.941	465.974.403.275
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho thuần	(1.663.942.596)	286.999.984
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>490.180.840.345</b>	<b>466.261.403.259</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.129.000.936	5.621.875.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.385.363	819.769.440
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.504.006.100)	(53.333.200)
Lỗ thanh lý chứng khoán kinh doanh	358.730.000	-
Chiết khấu thanh toán	6.117.285.920	4.496.406.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.135.396.119</b>	<b>10.884.718.656</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
Chi phí tiền lương	25.077.256.250	23.508.941.828
Chi phí vận chuyển	13.351.994.469	14.585.038.660
Chi phí khấu hao	6.498.099.784	7.792.744.185
Chi phí bán hàng khác	24.243.276.539	26.356.191.596
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.170.627.042</b>	<b>72.242.916.269</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí tiền lương	55.807.690.482	55.139.650.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.478.507.494	20.204.591.156
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>75.286.197.976</b>	<b>75.344.241.334</b>

**27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.023.916.385</b>	<b>4.861.877.307</b>
Thu nhập từ tiền bồi thường	13.645.455	4.489.361.886
Thu nhập khác	1.010.270.930	372.515.421
<b>Chi phí khác</b>	<b>194.587.583</b>	<b>283.081.286</b>
Chi phí khác	194.587.583	283.081.286
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>829.328.802</b>	<b>4.578.796.021</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	506.764.073.122	443.291.323.696
Chi phí nhân công	91.585.055.555	86.298.636.348
Chi phí khấu hao và hao mòn	17.610.158.496	10.738.944.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.355.463.101	34.704.685.445
Chi phí khác	8.604.662.645	8.320.603.105
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>651.919.412.919</b>	<b>583.354.193.480</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011, Công ty được chấp thuận là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"), và theo đó, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN (từ năm 2011);
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm (từ năm 2011) và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo; và
- (iii) Thuế suất đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.025.209.037	8.581.035.852
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	153.125.686	(680.768.020)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.178.334.723</b>	<b>7.900.267.832</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	196.364.906.884	164.403.904.127
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty:		
- Hoạt động khoa học công nghệ: 5%	9.776.778.904	7.990.535.406
- Hoạt động khác: 20%	165.865.760	1.010.503.125
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	38.917.517	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	245.434	222.101
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	153.125.686	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	8.183.930	68.109.881
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(964.782.508)	(488.334.661)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(680.768.020)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>9.178.334.723</b>	<b>7.900.267.832</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Công ty con	Bán hàng hóa	1.542.866.875	951.405.757
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	10.443.314.785	374.377.834
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	4.121.400.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng hóa	128.752.500	-
			<b>16.236.334.160</b>	<b>1.325.783.591</b>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			-	<b>2.000.000.000</b>
<b><i>Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</i></b>				
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	-	4.647.000
			-	<b>4.647.000</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)</i></b>				
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả tiền tạm ứng cổ tức năm 2016	17.193.969.000	-
			<b>17.193.969.000</b>	-

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	10.802.277.811	7.762.488.922
	<b>10.802.277.811</b>	<b>7.762.488.922</b>

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất, kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến giống cây trồng. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	536.911.302	536.911.302
Trên 1 – 5 năm	2.147.645.208	2.147.645.208
Trên 5 năm	17.718.072.966	18.254.984.268
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.402.629.476</b>	<b>20.939.540.778</b>


**Cam kết góp vốn**

Theo Nghị quyết số 39/NQ-HDQT-CTG ngày 23 tháng 9 năm 2016 và Thông báo số 1140/TB-CTG ngày 10 tháng 10 năm 2016, Công ty có cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam với tổng số vốn góp là 35.800.000.000 đồng (tương đương 71,6% vốn điều lệ của công ty này). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số vốn thực góp và số vốn còn phải góp của Công ty vào công ty này với số tiền tương ứng lần lượt là 17.791.926.400 đồng và 18.008.073.600 đồng.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Người lập  
Nguyễn Thị Như Quỳnh

  
\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng  
Phan Thế Tý

  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Trần Kim Liên

Ngày 27 tháng 3 năm 2017